

Số: 08 /TB-PGDĐT

Tam Dương, ngày 05 tháng 5 năm 2017

THÔNG BÁO

Kết quả Hội thi giao lưu học sinh giỏi lớp 6, 7, 8 năm học 2016-2017

Thực hiện văn bản số 390/HD-PGD&ĐT ngày 26/9/2016 của phòng GD&ĐT Tam Dương Hướng dẫn tổ chức giao lưu và thi chọn học sinh giỏi năm học 2016-2017, ngày 13/4/2017 phòng GD&ĐT tổ chức Hội thi giao lưu học sinh giỏi lớp 6, 7, 8 năm học 2016-2017. Sau khi chấm, thông báo điểm, rà soát, xếp giải, phòng GD&ĐT thông báo kết quả như sau:

1. Kết quả Hội thi

a) Số lượng thí sinh dự thi:

Tổng số thí sinh đăng ký dự thi là 688 của 14 trường THCS trong toàn huyện. Tổng số thí sinh dự thi là 687, đạt tỷ lệ 99,9%; cụ thể số thí sinh dự thi như sau:

	Toán	Lí	Hóa	Văn	Anh	Tổng
Khối 6	79			72	79	230
Khối 7	60			72	88	220
Khối 8	34	40	46	52	65	237
Cộng	173	40	46	196	232	687

b) Nguyên tắc xếp giải và cơ cấu giải:

- Nguyên tắc xếp giải được vận dụng theo quy định tại Điều 33 văn bản số 22/VBHN-BGDĐT ngày 25/8/2014 của Bộ GD&ĐT Ban hành quy chế thi chọn học sinh giỏi quốc gia.

- Cơ cấu giải cụ thể cho từng môn theo Phụ lục 1 đính kèm.

c) Tổng số giải:

Tổng số thí sinh đạt giải là 277, tỉ lệ đạt giải là 40,32%. Trong đó: 11 giải Nhất, 28 giải Nhì, 76 giải Ba và 162 giải Khuyến khích. Danh sách học sinh đạt giải và bảng tổng hợp giải từng môn theo phụ lục 2, 3 đính kèm thông báo này.

2. Một số nhận xét

- Các đơn vị lập danh sách dự thi theo đúng biểu mẫu và nộp về phòng GD&ĐT theo đúng thời gian quy định.

- Công tác ra đề theo đúng Quy chế thi chọn HSG, đề ra đảm bảo tính chính xác, bí mật, an toàn. Tuy nhiên chất lượng đề thi của một số môn chưa đảm bảo tính khoa học, không phân loại được chất lượng học sinh.

- Công tác coi thi, chấm thi nghiêm túc, công bằng, khách quan.
- Sau khi thông báo điểm, có 1 trường hợp xin phúc khảo bài thi ở môn Tiếng Anh 6 của trường THCS Kim Long, phòng GD&ĐT đã tổ chức phúc khảo, kết quả bài thi không thay đổi.
- Có 4 trường không có học sinh dự thi ở môn Toán lớp 7; 7 trường không có học sinh dự thi ở môn Toán lớp 8.

Phòng GD&ĐT gửi kèm văn bản này số lượng bài thi, phân công giám khảo của từng môn.

Căn cứ kết quả thi, các trường cần tổ chức biểu dương học sinh đạt giải, các giáo viên bồi dưỡng có thành tích cao trong Hội thi giao lưu HSG lớp 6, 7, 8 đồng thời nghiêm túc đánh giá rút kinh nghiệm trong công tác chỉ đạo phát hiện, bồi dưỡng học sinh giỏi của đơn vị./.

Nơi nhận:

- Các trường THCS;
- Lãnh đạo phòng GD&ĐT;
- Lưu: VT.

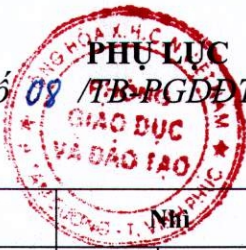
Ugllh

**KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**



Hoàng Trung

Hoàng Trung



(Kèm theo Thông báo số **08** /TB-**GDĐT** ngày **05** tháng 5 năm 2017)

1. Phụ lục 1: Cơ cấu giải

TT	Môn	Nhất		Nhì		Ba		KK	
		Từ	Đến	Từ	Đến lớn hơn	Từ	Đến lớn hơn	Từ	Đến lớn hơn
1.	Toán 6	10,00	8,00	8,00	6,75	6,75	5,25	5,25	4,00
2.	Toán 7	10,00	7,00	7,00	6,00	6,00	5,00	5,00	4,00
3.	Toán 8	10,00	8,00	8,00	7,00	7,00	6,50	6,50	5,75
4.	Ngữ văn 6	10,00	7,00	7,00	6,00	6,00	5,50	5,50	5,00
5.	Ngữ văn 7	10,00	7,25	7,25	6,00	6,00	5,50	5,50	5,00
6.	Ngữ văn 8	10,00	7,50	7,50	6,00	6,00	5,50	5,50	5,00
7.	Tiếng Anh 6	10,00	7,50	7,50	7,10	7,10	5,90	5,90	5,00
8.	Tiếng Anh 7	10,00	8,00	8,00	7,50	7,50	6,20	6,20	5,25
9.	Tiếng Anh 8	10,00	7,00	7,00	5,75	5,75	4,75	4,75	4,00
10.	Hóa học 8	10,00	8,30	8,30	6,75	6,75	5,50	5,50	4,00
11.	Vật lý 8	10,00	7,00	7,00	6,00	6,00	5,00	5,00	4,00

2. Phụ lục 2: Tổng hợp giải của các trường

TT	Tên trường THCS	Số lượng giải						Tỷ lệ đạt giải
		TS dự thi	Nhất	Nhì	Ba	KK	Tổng giải	
1	An Hòa	27	0	0	2	7	9	33,3
2	Duy Phiên	14	0	0	2	1	3	21,4
3	Đồng Tĩnh	39	0	0	0	12	12	30,8
4	Đạo Tú	30	1	1	3	6	11	36,7
5	Hoàng Đan	24	0	0	1	8	9	37,5
6	Hướng Đạo	28	1	1	2	3	7	25,0
7	Hoàng Hoa	30	0	0	0	3	3	10,0
8	Hoàng Lâu	30	0	0	1	4	5	16,7
9	Hợp Thịnh	45	0	3	11	13	27	60,0
10	Hợp Hòa	30	0	0	0	5	5	16,7
11	Kim Long	52	0	3	6	16	25	48,1
12	Thanh Vân	46	0	1	0	8	9	19,6
13	Vân Hội	69	1	5	10	18	34	49,3
14	Tam Dương	223	8	14	38	58	118	52,9
	Cộng	687	11	28	76	162	277	40,3

THÔNG KÊ SỐ LƯỢNG BÀI THI



TT	Môn	Số lượng bài thi
1.	Toán 6	79
2.	Toán 7	60
3.	Toán 8	34
4.	Ngữ văn 6	72
5.	Ngữ văn 7	72
6.	Ngữ văn 8	52
7.	Tiếng Anh 6	79
8.	Tiếng Anh 7	88
9.	Tiếng Anh 8	65
10.	Hóa học 8	46
11.	Vật lý 8	40

Phân công giám khảo có trong quyết định thành lập hội đồng chấm thi

DANH SÁCH HỌC SINH ĐẠT GIẢI GIAO LƯU HSG LỚP 6 MÔN TOÁN 6
NĂM HỌC 2016-2017

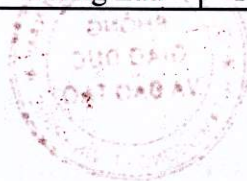
TT	SBD	Họ tên		Năm sinh	Lớp	Trường THCS	Kết quả học tập kỳ 1			GV giảng dạy	Môn thi	Điểm	Xếp giải
							HK	HL	ĐTB môn thi				
1	H6075	Nguyễn Thị Quỳnh	Trang	22/06/2005	6A	Tam Dương	T	G	8.1	Phan Văn Sơn	Toán	8.00	Nhất
2	V6013	Phùng Thị Thuý	Hằng	16/01/2005	6A	Hợp Thịnh	T	G	9.2	Lê Thị Thu Hiền	Toán	7.25	Nhì
3	H6061	Trần Minh	Ngọc	08/05/2005	6A	Tam Dương	T	G	8.8	Phan Văn Sơn	Toán	7.00	Nhì
4	V6045	Bùi Thị	Oanh	06/01/2005	6A	Kim Long			9.0	Nguyễn Thị Thêu	Toán	7.00	Nhì
5	H6053	Nguyễn Duy	Mạnh	03/10/2005	6A	Tam Dương	T	K	9.0	Phan Văn Sơn	Toán	6.75	Ba
6	V6027	Lê Tùng	Lâm	26/04/2005	6B	Vân Hội	T	K	8.5	Đỗ Thị Minh Hải	Toán	6.75	Ba
7	H6077	Lại Thị	Vi	27/07/2005	6A	Tam Dương	T	G	8.1	Phan Văn Sơn	Toán	6.50	Ba
8	H6027	Lý Trung	Hiếu	19/07/2005	6A	Tam Dương	T	G	8.9	Phan Văn Sơn	Toán	6.00	Ba
9	V6001	Nguyễn Trinh Lan	Anh	02/08/2005	6B	Vân Hội	T	G	8.9	Đỗ Thị Minh Hải	Toán	6.00	Ba
10	H6076	Nguyễn Anh	Tuấn	09/01/2005	6C	Tam Dương	T	K	9.4	Nguyễn Minh Ngân	Toán	5.75	Ba
11	V6037	Nguyễn Phạm Thảo	My	29/3/2005	6A	Kim Long			9.0	Nguyễn Thị Thêu	Toán	5.50	Ba
12	H6039	Nguyễn Trung	Kiên	05/01/2005	6B	An Hòa	T	K	9.4	Lê Thị Liên	Toán	5.25	KK
13	V6033	Vũ Thị Ngọc	Mến	27/01/2005	6A	Kim Long			9.0	Nguyễn Thị Thêu	Toán	5.25	KK
14	H6070	Nguyễn Đức	Thành	15/12/2005	6A	Đồng Tĩnh	T	G	9.3	Khổng Thị Hồng Hoa	Toán	5.00	KK
15	H6073	Phùng Văn	Tiến	13/08/2007	6A	Đồng Tĩnh	T	K	9.2	Khổng Thị Hồng Hoa	Toán	5.00	KK
16	H6079	Nguyễn Hải	Yến	24/02/2005	6A	Tam Dương	T	G	8.2	Phan Văn Sơn	Toán	5.00	KK
17	V6039	Đặng Thị Hằng	Nga	23/11/2005	6A	Kim Long			9.0	Nguyễn Thị Thêu	Toán	5.00	KK
18	V6047	Hà Huy	Phúc	20/01/2005	6A	Hợp Thịnh	T	G	9.4	Lê Thị Thu Hiền	Toán	5.00	KK
19	V6055	Phùng Quang	Thịnh	27/02/2005	6A	Hợp Thịnh	T	G	9.2	Lê Thị Thu Hiền	Toán	5.00	KK
20	V6063	Đỗ Thu	Trang	30/03/2005	6B	Thanh Vân	T	G	9.2	Vũ Hồng Minh	Toán	5.00	KK
21	H6005	Nguyễn Đức	Anh	28/12/2005	6B	Tam Dương	T	K	9.2	Nguyễn Minh Ngân	Toán	4.50	KK
22	H6017	Phan Trọng	Đạt	20/09/2005	6A	Tam Dương	T	K	8.4	Phan Văn Sơn	Toán	4.50	KK
23	H6035	Bùi Quang	Huy	03/01/2005	6B	An Hòa	T	K	9.5	Lê Thị Liên	Toán	4.50	KK
24	H6067	Trần Thị Ngọc	Phượng	18/01/2005	6A	Tam Dương	T	G	8.0	Phan Văn Sơn	Toán	4.50	KK
25	H6078	Nguyễn Tiến	Vũ	27/08/2005	6A	Tam Dương	T	G	8.4	Phan Văn Sơn	Toán	4.50	KK
26	H6041	Nguyễn Ngọc	Linh	28/08/2005	6A	Tam Dương	T	G	8.5	Phan Văn Sơn	Toán	4.25	KK

Người ghi điểm - người soát ghi

Người soát phiếu chấm

Người đọc điểm - Người soát đọc

27	H6063	Nguyễn Thị Ngọc	Oanh	4/8/2005	6A	Hương Đạo	T	G	8.5	Lương Vĩnh Nam	Toán	4.00	KK
28	V6053	Vương Văn	Tâm	19/05/2005	6A	Hoàng Lâu	T	K	9.0	Nguyễn Thanh Bình	Toán	4.00	KK



Người ghi điểm - người soát ghi

Người soát phiếu chấm

Người đọc điểm - Người soát đọc

DANH SÁCH HỌC SINH ĐẠT GIẢI GIAO LƯU HSG LỚP 6 MÔN NGỮ VĂN 6
NĂM HỌC: 2016-2017

TT	SBD	Họ tên		Năm sinh	Lớp	Trường THCS	Kết quả học tập kỳ 1			GV giảng dạy	Môn thi	Điểm	Ghi chú
							HK	HL	ĐTB môn thi				
1	H6054	Nguyễn Thị	Thúy	1/4/2005	6A	Hướng Đạo	T	G	8.1	Nhâm Thị Huệ	Ngữ văn	7.25	Nhất
2	H6058	Dương Thị Thanh	Thùy	6/5/2005	6A	Hướng Đạo	T	G	8.1	Nhâm Thị Huệ	Ngữ văn	6.75	Nhì
3	H6004	Lê Hải	Anh	30/08/2005	6A	Tam Dương	T	G	8.4	Đinh Lữ Quỳnh Giang	Ngữ văn	6.50	Nhì
4	V6012	Nguyễn Thị Ngọc	Bích	19/06/2005	6B	Vân Hội	T	G	8.5	Phạm Thị Thơm	Ngữ văn	6.50	Nhì
5	H6018	Trần Hải	Đăng	07/03/2005	6B	Tam Dương	T	G	8.0	Đinh Lữ Quỳnh Giang	Ngữ văn	6.00	Ba
6	H6046	Nguyễn Thị Nguyệt	Minh	14/05/2005	6A	Tam Dương	T	G	8.8	Đinh Lữ Quỳnh Giang	Ngữ văn	6.00	Ba
7	V6032	Nguyễn Thuỳ	Hương	23/02/2005	6A	Hợp Thịnh	T	G	7.6	Nguyễn Thị Lan Anh	Ngữ văn	6.00	Ba
8	V6004	Phùng Thị Lan	Anh	11/02/2005	6A	Hợp Thịnh	T	K	8.4	Nguyễn Thị Lan Anh	Ngữ văn	5.60	Ba
9	H6026	Nguyễn Thu	Hà	13/09/2005	6B	Tam Dương	T	G	8.0	Đinh Lữ Quỳnh Giang	Ngữ văn	5.50	KK
10	H6034	Nguyễn Thị	Hòa	02/08/2005	6A	Hoàng Hoa	T	K	7.9	Phí Thị Thu Hiền	Ngữ văn	5.50	KK
11	H6052	Nguyễn Hoài	Thu	28/02/2005	6A	Đồng Tĩnh	T	K	8.0	Trần Thị Ngọc Mai	Ngữ văn	5.50	KK
12	H6062	Hà Thu	Trang	06/05/2005	6A	Đồng Tĩnh	T	K	8.0	Trần Thị Ngọc Mai	Ngữ văn	5.50	KK
13	V6040	Trương Ngọc	Ly	25/10/2005	6A	Hoàng Đan	T	K	7.2	Triệu Thị Thúy Bằng	Ngữ văn	5.50	KK
14	V6058	Vũ Thị	Thảo	16/03/2005	6B	Vân Hội	T	K	7.8	Phạm Thị Thơm	Ngữ văn	5.50	KK
15	H6032	Phạm Thanh	Hiền	18/10/2005	6B	Tam Dương	T	G	8.0	Đinh Lữ Quỳnh Giang	Ngữ văn	5.40	KK
16	V6050	Nguyễn Huyền	Ngọc	03/04/2005	6E	Thanh Vân	T	G	8.1	Đỗ Thị Minh	Ngữ văn	5.35	KK
17	H6006	Nguyễn Quỳnh	Anh	27/09/2005	6C	Tam Dương	T	G	8.0	Đinh Lữ Quỳnh Giang	Ngữ văn	5.25	KK
18	H6028	Nguyễn Thị	Hằng	20/10/2005	6C	Tam Dương	T	G	8.0	Đinh Lữ Quỳnh Giang	Ngữ văn	5.25	KK
19	H6060	Trần Thị Kiều	Trang	10/12/2005	6A	Đồng Tĩnh	T	K	8.0	Trần Thị Ngọc Mai	Ngữ văn	5.25	KK
20	V6026	Nguyễn Ngọc	Hương	09/07/2005	6A	Đạo Tú	T	G	8.1	Nguyễn Thị Kiều Lan	Ngữ văn	5.25	KK
21	V6056	Tạ Nguyễn Thanh	Thảo	24/12/2005	6A	Hợp Thịnh	T	K	8.3	Nguyễn Thị Lan Anh	Ngữ văn	5.25	KK
22	V6062	Nguyễn Thị Anh	Thư	08/10/2005	6A	Vân Hội	T	G	7.8	Phạm Thị Thơm	Ngữ văn	5.25	KK
23	H6020	Nguyễn Thị	Dịu	11/04/2005	6A	Hoàng Hoa	T	K	7.7	Phí Thị Thu Hiền	Ngữ văn	5.20	KK
24	H6010	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	01/01/2005	6A	Hoàng Hoa	T	K	7.5	Phí Thị Thu Hiền	Ngữ văn	5.10	KK
25	H6014	Vũ Thị Linh	Chi	25/08/2005	6C	Tam Dương	T	G	8.0	Đinh Lữ Quỳnh Giang	Ngữ văn	5.00	KK
26	H6016	Vũ Thị Thùy	Chinh	12/10/2005	6B	Tam Dương	T	G	8.3	Đinh Lữ Quỳnh Giang	Ngữ văn	5.00	KK

Người ghi điểm - người soát ghi

Người soát phiếu chấm

Người đọc điểm - Người soát đọc

27	H6044	Nguyễn Thị Khánh	Linh	22/09/2005	6A	Hợp Hòa			8.0	Hoàng Thị Hanh	Ngữ văn	5.00	KK
28	H6048	Kim Ngọc	Nam	29/01/2005	6A	Hợp Hòa			8.0	Hoàng Thị Hanh	Ngữ văn	5.00	KK
29	H6068	Nguyễn Thị	Tuyết	18/06/2005	6C	Tam Dương	T	G	8.0	Đinh Lữ Quỳnh Giang	Ngữ văn	5.00	KK
30	V6042	Nguyễn Văn	Ly	27/10/2005	6B	Vân Hội	T	G	8.1	Phạm Thị Thơm	Ngữ văn	5.00	KK
31	V6054	Đặng Thị	Phương	21/7/2005	6A	Kim Long			8.0	Cao Phương Liên	Ngữ văn	5.00	KK

DANH SÁCH HỌC SINH ĐẠT GIẢI GIAO LƯU HSG LỚP 6 MÔN TIẾNG ANH 6
NĂM HỌC: 2016-2017

TT	SBD	Họ tên		Năm sinh	Lớp	Trường THCS	Kết quả học tập kỳ 1			GV giảng dạy	Môn thi	Điểm	Ghi chú
							HK	HL	ĐTB môn thi				
1	H6084	Trần Thanh	Đăng	15/11/2005	6A	Tam Dương	T	G	9.7	Đinh Thị Mỹ Thủy	Tiếng Anh	7.80	Nhất
2	V6088	Cao Khánh	Linh	02/09/2005	6A	Hợp Thịnh	T	G	9.2	Nguyễn Thị Xuân	Tiếng Anh	7.30	Nhì
3	H6091	Nguyễn Hương	Giang	25/05/2005	6A	Tam Dương	T	G	9.2	Đinh Thị Mỹ Thủy	Tiếng Anh	7.20	Nhì
4	V6079	Nguyễn Duy	Dũng	06/11/2005	6B	Vân Hội	T	G	9.8	Tạ Thị Mai Thanh	Tiếng Anh	7.20	Nhì
5	H6120	Nguyễn Thị Hà	Vy	03/08/2005	6B	Tam Dương	T	K	9.0	Đinh Thị Mỹ Thủy	Tiếng Anh	7.10	Ba
6	H6121	Đỗ Chiêu	Xuân	25/01/2005	6A	Tam Dương	T	G	9.5	Đinh Thị Mỹ Thủy	Tiếng Anh	7.10	Ba
7	H6119	Nguyễn Vũ Tiểu Phương	Vy	25/03/2005	6A	Tam Dương	T	G	9.2	Đinh Thị Mỹ Thủy	Tiếng Anh	7.00	Ba
8	H6123	Đào Nguyễn Hoàng	Yến	06/07/2005	6B	Tam Dương	T	K	8.7	Đinh Thị Mỹ Thủy	Tiếng Anh	7.00	Ba
9	V6078	Nguyễn Tiến	Đạt	12/05/2005	6A	Hợp Thịnh	T	G	9.0	Nguyễn Thị Xuân	Tiếng Anh	6.80	Ba
10	H6090	Đặng Thị Hương	Giang	04/03/2005	6A	Tam Dương	T	G	9.2	Đinh Thị Mỹ Thủy	Tiếng Anh	6.50	Ba
11	V6073	Nguyễn Ngọc	Ánh	02/04/2005	6A	Hợp Thịnh	T	K	9.1	Nguyễn Thị Xuân	Tiếng Anh	6.50	Ba
12	V6080	Đỗ Hoàng	Hiệp	18/1/2005	6A	Kim Long			9.0	Trần Bảo Thoa	Tiếng Anh	6.50	Ba
13	V6096	Nguyễn Hồng	Thái	02/02/2005	6A	Hợp Thịnh	T	K	8.4	Nguyễn Thị Xuân	Tiếng Anh	6.50	Ba
14	H6085	Nguyễn Anh	Đức	03/12/2005	6C	Tam Dương	T	K	8.5	Đinh Thị Mỹ Thủy	Tiếng Anh	6.20	Ba
15	V6103	Nguyễn Đăng	Tùng	09/10/2005	6A	Hợp Thịnh	T	K	8.6	Nguyễn Thị Xuân	Tiếng Anh	6.20	Ba
16	H6117	Nguyễn Thị	Vân	07/01/2005	6B	Tam Dương	T	K	8.0	Đinh Thị Mỹ Thủy	Tiếng Anh	6.00	Ba
17	V6105	Phạm Thị Hải	Yến	05/03/2005	6A	Đạo Tú	T	K	8.1	Trần Thị Kim Sinh	Tiếng Anh	6.00	Ba
18	H6093	Phạm Lưu	Hà	28/07/2005	6B	Tam Dương	T	K	8.8	Đinh Thị Mỹ Thủy	Tiếng Anh	5.90	KK
19	V6070	Nguyễn Thu	An	25/1/2005	6A	Kim Long			9.0	Trần Bảo Thoa	Tiếng Anh	5.80	KK
20	V6076	Trần Linh	Chi	15/5/2005	6A	Kim Long			9.0	Trần Bảo Thoa	Tiếng Anh	5.80	KK
21	V6084	Nguyễn Thị Khánh	Huyền	27/01/2005	6A	Hợp Thịnh	T	K	8.0	Nguyễn Thị Xuân	Tiếng Anh	5.80	KK
22	H6089	Lê Hoàng Hải	Giang	06/10/2005	6A	Tam Dương	T	G	8.8	Đinh Thị Mỹ Thủy	Tiếng Anh	5.40	KK
23	H6114	Đào Duy	Tùng	22/03/2005	6C	Tam Dương	T	G	8.2	Đinh Thị Mỹ Thủy	Tiếng Anh	5.40	KK
24	H6118	Phan Yến	Vy	21/11/2005	6A	Tam Dương	T	G	8.5	Đinh Thị Mỹ Thủy	Tiếng Anh	5.40	KK
25	V6100	Nguyễn Thị Thu	Trang	26/08/2005	6B	Vân Hội	T	G	8.8	Tạ Thị Mai Thanh	Tiếng Anh	5.40	KK
26	V6083	Nguyễn Lan	Hương	29/08/005	6B	Vân Hội	T	G	9.2	Tạ Thị Mai Thanh	Tiếng Anh	5.30	KK

Người ghi điểm - người soát ghi

Người soát phiếu chấm

Người đọc điểm - người soát đọc

27	H6081	Nguyễn Thị Lan	Anh	06/01/2005	6B	An Hòa	T	K	8.7	Vũ Thị Thúy	Tiếng Anh	5.20	KK
28	V6071	Sái Hoàng	Anh	28/06/2005	6E	Thanh Vân	T	G	9.2	Đỗ Hồng Nhung	Tiếng Anh	5.20	KK
29	V6077	Nguyễn Trần Tiến	Đạt	27/10/2005	6B	Vân Hội	T	K	8.7	Tạ Thị Mai Thanh	Tiếng Anh	5.20	KK
30	H6096	Trịnh Quỳnh	Hoa	31/10/2005	6A	Tam Dương	T	G	8.0	Đinh Thị Mỹ Thủy	Tiếng Anh	5.10	KK
31	V6081	Nguyễn Thị	Hoàn	13/09/2005	6B	Vân Hội	T	K	8.9	Tạ Thị Mai Thanh	Tiếng Anh	5.10	KK
32	H6099	Lê Thị	Huyền	08/03/2005	6B	Tam Dương	T	G	8.6	Đinh Thị Mỹ Thủy	Tiếng Anh	5.00	KK
33	H6105	Phạm Như	Quỳnh	11/03/2005	6B	Tam Dương	T	K	8.0	Đinh Thị Mỹ Thủy	Tiếng Anh	5.00	KK
34	H6106	Vương Thị Mỹ	Tâm	26/09/2005	6C	Tam Dương	T	G	8.2	Đinh Thị Mỹ Thủy	Tiếng Anh	5.00	KK
35	H6122	Trần Thị Hải	Yên	12/05/2005	6A	Tam Dương	T	G	8.0	Đinh Thị Mỹ Thủy	Tiếng Anh	5.00	KK
36	V6072	Phan Tuấn	Anh	03/11/2005	6A	Kim Long			8.0	Trần Bảo Thoa	Tiếng Anh	5.00	KK
37	V6075	Phan Thiên	Bình	07/04/2005	6D	Thanh Vân	T	K	9.2	Đỗ Hồng Nhung	Tiếng Anh	5.00	KK

DANH SÁCH HỌC SINH ĐẠT GIẢI GIAO LƯU HSG LỚP 7 MÔN TOÁN 7
NĂM HỌC: 2016-2017

TT	SBD	Họ tên		Năm sinh	Lớp	Trường THCS	Kết quả học tập kỳ 1			GV giảng dạy	Môn thi	Điểm	Ghi chú
							HK	HL	ĐTB môn thi				
2	V7049	Nguyễn Văn	Sớm	08/08/2004	7B	Vân Hội	T	K	9.1	Trần Thị Tuyết	Toán	7.00	Nhất
3	H7035	Phạm Gia	Khiêm	05/09/2004	7A	Tam Dương	T	G	9.4	Phan Hữu Khoa	Toán	6.75	Nhì
4	H7021	Tăng Vĩnh	Hà	10/12/2004	7A	Tam Dương	T	K	9.1	Phan Hữu Khoa	Toán	5.75	Ba
5	H7033	Nguyễn Thu	Huyền	05/05/2004	7A	Đồng Tĩnh	T	G	9.2	Vũ Thị Giang	Toán	5.00	KK
6	H7059	Trần Thanh	Trúc	07/09/2004	7A	Tam Dương	T	G	9.5	Phan Hữu Khoa	Toán	5.00	KK
7	V7033	Phan Minh	Khoa	10/02/2004	7A	Thanh Vân	T	G	9.2	Hà Thị Thu Hà	Toán	4.75	KK
8	V7035	Khổng Thị	Linh	06/05/2004	7B	Vân Hội	T	K	8.1	Trần Thị Tuyết	Toán	4.50	KK
9	H7017	Hà Phương	Duy	21/08/2004	7A	Đồng Tĩnh	T	K	8.9	Phạm Đình Hưng	Toán	4.25	KK
10	H7061	Hoàng Xuân	Trường	26/11/2004	7A	Tam Dương	T	G	8.7	Phan Hữu Khoa	Toán	4.25	KK
11	H7005	Nghiêm Thị Hải	Anh	25/12/2004	7A	Tam Dương	T	K	8.5	Phan Hữu Khoa	Toán	4.00	KK
12	H7055	Phạm Thị Hồng	Thu	05/02/2004	7A	Đồng Tĩnh	T	G	8.8	Vũ Thị Giang	Toán	4.00	KK
13	V7009	Nguyễn Xuân	Đạt	05/05/2004	7B	Vân Hội	T	G	9.4	Trần Thị Tuyết	Toán	4.00	KK

DANH SÁCH HỌC SINH ĐẠT GIẢI GIAO LƯU HSG LỚP 7 MÔN NGỮ VĂN 7
NĂM HỌC: 2016-2017

TT	SBD	Họ tên		Năm sinh	Lớp	Kết quả học tập kỳ	Kết quả học tập kỳ			GV giảng dạy	Môn thi	Điểm	Ghi chú
							HK	HL	ĐTB môn thi				
1	H7014	Phạm Thị Ngọc	Bích	28/11/2004	7B	Tam Dương	T	G	8.8	Tạ Thị Tố Mai	Ngữ văn	7.25	Nhất
2	V7028	Lê Ngô Ngọc	Linh	18/10/2004	7A	Đạo Tú	T	K	8.5	Nguyễn Thị Thu	Ngữ văn	7.25	Nhất
3	V7044	Nguyễn Thị	Phượng	15/09/2004	7A	Hợp Thịnh	T	G	8.4	Nguyễn Thị Việt Nga	Ngữ văn	7.00	Nhì
4	H7008	Hà Thị Lan	Anh	07/09/2004	7B	Tam Dương	T	G	8.6	Tạ Thị Tố Mai	Ngữ văn	6.50	Nhì
5	H7069	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	25/11/2004	7A	Tam Dương	T	G	8.2	Tạ Thị Tố Mai	Ngữ văn	6.50	Nhì
6	H7071	Bùi Thị	Thủy	29/07/2004	7B	An Hòa	T	G	8.3	Nguyễn Thị Hồng	Ngữ văn	6.00	Ba
7	V7020	Phạm Nguyễn Thu	Huỳnh	13/05/2004	7A	Kim Long	T	G	8.0	Nguyễn Thị Thu Hằng	Ngữ văn	6.00	Ba
8	V7048	Phùng Thị Như	Quỳnh	11/09/2004	7A	Hợp Thịnh	T	K	7.9	Nguyễn Thị Việt Nga	Ngữ văn	6.00	Ba
9	V7034	Trần Thanh	Nga	10/09/2004	7B	Vân Hội	T	K	7.9	Nguyễn Thị Tuyết Nhung	Ngữ văn	5.75	Ba
10	V7038	Nguyễn Thị Hồng	Ngọc	21/02/2004	7A	Kim Long	T	G	9.0	Nguyễn Thị Thu Hằng	Ngữ văn	5.75	Ba
11	H7002	Trần Tuấn	Anh	23/04/2004	7A	Đồng Tĩnh	T	K	8.0	Trần Thị Ngọc Mai	Ngữ văn	5.50	KK
12	H7028	Trần Thu	Hạnh	10/08/2004	7B	Tam Dương	T	K	8.0	Tạ Thị Tố Mai	Ngữ văn	5.50	KK
13	V7024	Trương Thị Thanh	Huyền	05/12/2004	7A	Hoàng Đan	T	K	8.2	Nguyễn Thị Thu Hà	Ngữ văn	5.50	KK
14	V7032	Nguyễn Thị Hoài	Linh	24/01/2004	7A	Hợp Thịnh	T	K	7.8	Nguyễn Thị Việt Nga	Ngữ văn	5.50	KK
15	H7034	Lăng Thị	Hòa	18/10/2004	7A	Đồng Tĩnh	T	K	8.0	Trần Thị Ngọc Mai	Ngữ văn	5.25	KK
16	H7038	Vương Thị Thu	Hương	24/02/2004	7B	Tam Dương	T	G	8.1	Tạ Thị Tố Mai	Ngữ văn	5.25	KK
17	V7002	Phan Thị Ngọc	Anh	13/10/2004	7A	Hoàng Đan	T	K	8.3	Nguyễn Thị Thu Hà	Ngữ văn	5.25	KK
18	V7010	Nguyễn Lan	Anh	17/10/2004	7A	Vân Hội	T	K	7.6	Nguyễn Thị Tuyết Nhung	Ngữ văn	5.25	KK
19	V7016	Phạm Thị	Hà	15/03/2004	7A	Hoàng Đan	T	G	8.4	Nguyễn Thị Thu Hà	Ngữ văn	5.25	KK
20	V7030	Nguyễn Thị	Linh	24/03/2004	7A	Hoàng Đan	T	K	7.5	Nguyễn Thị Thu Hà	Ngữ văn	5.25	KK
21	H7020	Doãn Phương	Doanh	11/11/2004	7B	Hợp Hòa			8.0	Kim Thị Phương	Ngữ văn	5.00	KK
22	H7067	Trương Thị Minh	Tâm	03/07/2004	7B	Tam Dương	T	K	8.0	Tạ Thị Tố Mai	Ngữ văn	5.00	KK
23	V7022	Nguyễn Quang	Huy	27/05/2004	7A	Hoàng Đan	T	K	7.7	Nguyễn Thị Thu Hà	Ngữ văn	5.00	KK
24	V7036	Nguyễn Trần Bảo	Ngọc	11/10/2004	7A	Đạo Tú	T	K	8.5	Nguyễn Thị Thu	Ngữ văn	5.00	KK
25	V7040	Nguyễn Thị	Phương	30/07/2004	7A	Đạo Tú	T	K	8.2	Nguyễn Thị Thu	Ngữ văn	5.00	KK
26	V7042	Nguyễn Minh	Phương	15/10/2004	7A	Vân Hội	T	G	7.5	Nguyễn Thị Tuyết Nhung	Ngữ văn	5.00	KK

DANH SÁCH HỌC SINH ĐẠT GIẢI GIAO LƯU HSG LỚP 7 MÔN TIẾNG ANH 7
NĂM HỌC: 2016-2017

TT	SBD	Họ tên		Năm sinh	Lớp	Trường THCS	Kết quả học tập kỳ 1			GV giảng dạy	Môn thi	Điểm	Ghi chú
							HK	HL	ĐTB môn thi				
1	H7079	Nguyễn Thảo	Anh	10/10/2004	7A	Tam Dương	T	G	9.6	Nguyễn Thị Kim Dung	Tiếng Anh	8.20	Nhất
2	H7104	Nguyễn Bảo	Long	27/10/2004	7A	Tam Dương	T	G	9.8	Nguyễn Thị Kim Dung	Tiếng Anh	8.10	Nhất
3	V7074	Nguyễn Thành	Long	12/10/2004	7A	Kim Long	T	G	9.0	Chu Thị Hồng Long	Tiếng Anh	7.90	Nhì
4	H7124	Nguyễn Trung	Tường	19/07/2004	7B	Tam Dương	T	G	9.6	Nguyễn Thị Kim Dung	Tiếng Anh	7.80	Nhì
5	V7067	Phùng Thu	Hương	09/05/2004	7B	Vân Hội	T	G	9.2	Nguyễn Viết Thắng	Tiếng Anh	7.70	Nhì
6	V7091	Đỗ Hà	Trang	02/08/2004	7B	Vân Hội	T	G	9.2	Nguyễn Viết Thắng	Tiếng Anh	7.70	Nhì
7	V7093	Trần Quốc	Trung	22/09/2004	7B	Vân Hội	T	K	9.2	Nguyễn Viết Thắng	Tiếng Anh	7.70	Nhì
8	H7116	Bùi Đức	Thịnh	11/02/2004	7A	Tam Dương	T	K	8.0	Nguyễn Thị Kim Dung	Tiếng Anh	7.30	Ba
9	V7059	Nguyễn Trần Vũ Phương	Anh	20/02/2004	7A	Kim Long	T	G	9.0	Chu Thị Hồng Long	Tiếng Anh	7.30	Ba
10	H7106	Mai Quang	Minh	14/06/2004	7A	Tam Dương	T	G	9.5	Nguyễn Thị Kim Dung	Tiếng Anh	7.10	Ba
11	H7092	Lê Minh	Huế	05/05/2004	7A	Tam Dương	T	G	9.8	Nguyễn Thị Kim Dung	Tiếng Anh	7.00	Ba
12	H7118	Lê Hoài	Thương	05/01/2004	7A	Tam Dương	T	G	9.0	Nguyễn Thị Kim Dung	Tiếng Anh	7.00	Ba
13	V7088	Lê Đức	Tùng	07/09/2004	7B	Vân Hội	T	G	9.5	Nguyễn Viết Thắng	Tiếng Anh	7.00	Ba
14	H7122	Nguyễn Thành	Trung	21/09/2004	7B	Tam Dương	T	G	9.2	Nguyễn Thị Kim Dung	Tiếng Anh	6.80	Ba
15	H7086	Đỗ Phương	Dung	01/12/2004	7A	Tam Dương	T	G	9.4	Nguyễn Thị Kim Dung	Tiếng Anh	6.70	Ba
16	H7087	Phương Nam	Hà	01/05/2004	7A	Hướng Đạo	T	K	8.7	Lê Thị Thanh Minh	Tiếng Anh	6.70	Ba
17	H7126	Kim Khánh	Vy	04/12/2004	7B	Tam Dương	T	G	8.6	Nguyễn Thị Kim Dung	Tiếng Anh	6.70	Ba
18	V7085	Đỗ Công	Son	04/10/2004	7B	Vân Hội	T	G	9.2	Nguyễn Viết Thắng	Tiếng Anh	6.70	Ba
19	V7077	Hoàng Trà	My	24/06/2004	7A	Đạo Tú	T	K	7.8	Trần Thị Kim Sinh	Tiếng Anh	6.60	Ba
20	H7083	Nguyễn Quang	Đặng	15/11/2004	7B	Tam Dương	T	K	9.7	Nguyễn Thị Kim Dung	Tiếng Anh	6.50	Ba
21	H7088	Nguyễn Thị Kim	Hằng	12/10/2004	7A	Hướng Đạo	T	K	8.7	Lê Thị Thanh Minh	Tiếng Anh	6.50	Ba
22	H7098	Lê Trường	Kỳ	02/11/2004	7B	Tam Dương	T	G	9.1	Nguyễn Thị Kim Dung	Tiếng Anh	6.40	Ba
23	V7069	Phùng Thị Thu	Huyền	15/07/2004	7A	Hợp Thịnh	T	G	9.2	Nguyễn Thị Xuân	Tiếng Anh	6.40	Ba
24	H7105	Nguyễn Ngọc	Mai	25/09/2004	7C	Tam Dương	T	K	8.0	Nguyễn Thị Kim Dung	Tiếng Anh	6.30	Ba
25	H7123	Lê Thanh	Tùng	02/11/2004	7B	Tam Dương	T	K	8.8	Nguyễn Thị Kim Dung	Tiếng Anh	6.30	Ba
26	V7076	Nguyễn Văn Nam	Minh	27/08/2004	7A	Kim Long	T	G	8.0	Tạ Thu Hà	Tiếng Anh	6.20	KK

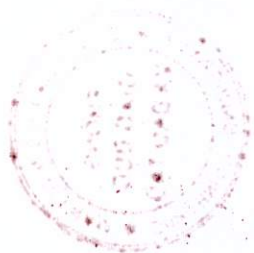
27	V7090	Nguyễn Thị	Thu	23/07/2004	7A	Đạo Tú	T	K	8.8	Trần Thị Kim Sinh	Tiếng Anh	6.20	KK
28	V7095	Phùng Văn	Việt	01/01/2004	7B	Vân Hội	T	K	8.9	Nguyễn Viết Thắng	Tiếng Anh	6.20	KK
29	H7082	Phùng Minh	Đăng	27/7/2004	7A	Hương Đạo	T	K	8.5	Lê Thị Thanh Minh	Tiếng Anh	6.10	KK
30	H7120	Phạm Việt	Tiến	29/05/2004	7B	Tam Dương	T	K	8.6	Nguyễn Thị Kim Dung	Tiếng Anh	6.10	KK
31	V7072	Ngô Thùy	Linh	20/11/2004	7B	Vân Hội	T	K	8.7	Nguyễn Viết Thắng	Tiếng Anh	5.90	KK
32	V7092	Bùi Thùy	Trang	31/07/2004	7A	Kim Long	T	G	8.8	Chu Thị Hồng Long	Tiếng Anh	5.90	KK
33	H7080	Nguyễn Phương	Anh	07/11/2004	7B	Tam Dương	T	G	8.5	Nguyễn Thị Kim Dung	Tiếng Anh	5.80	KK
34	H7101	Phan Phương	Linh	28/01/2004	7B	Tam Dương	T	G	8.8	Nguyễn Thị Kim Dung	Tiếng Anh	5.80	KK
35	H7109	Nguyễn Thị Thúy	Ngọc	16/06/2004	7A	Đồng Tĩnh	T	K	8.9	Vũ Thị Hoi	Tiếng Anh	5.80	KK
36	H7090	Lê Mai Khánh	Hòa	07/05/2004	7B	Tam Dương	T	K	8.9	Nguyễn Thị Kim Dung	Tiếng Anh	5.70	KK
37	H7115	Đỗ Như	Quỳnh	04/05/2004	7A	Tam Dương	T	G	8.5	Nguyễn Thị Kim Dung	Tiếng Anh	5.70	KK
38	V7058	Đặng Châu	Anh	12/09/2004	7A	Hợp Thịnh	T	G	8.5	Nguyễn Thị Xuân	Tiếng Anh	5.70	KK
39	V7089	Nguyễn Duy	Thành	25/12/2004	7A	Kim Long	T	G	8.2	Chu Thị Hồng Long	Tiếng Anh	5.70	KK
40	H7099	Nguyễn Thị Kim	Linh	04/09/2004	7A	Đồng Tĩnh	T	G	9.3	Vũ Thị Hoi	Tiếng Anh	5.60	KK
41	H7084	Triệu Minh	Đức	05/11/2004	7A	Tam Dương	T	K	8.5	Nguyễn Thị Kim Dung	Tiếng Anh	5.50	KK
42	H7093	Nguyễn Huy	Hùng	04/02/2004	7A	Tam Dương	T	K	8.8	Nguyễn Thị Kim Dung	Tiếng Anh	5.50	KK
43	V7080	Nguyễn Tiến	Ngân	23/11/2004	7B	Vân Hội	T	K	8.7	Nguyễn Viết Thắng	Tiếng Anh	5.50	KK
44	V7082	Nguyễn Thị Diễm	Quỳnh	08/08/2004	7A	Duy Phiên	T	G	8.4	Nguyễn Thị Tuyết Mai	Tiếng Anh	5.50	KK
45	H7095	Vũ Quang	Huy	08/02/2004	7A	Tam Dương	T	K	8.6	Nguyễn Thị Kim Dung	Tiếng Anh	5.30	KK
46	H7110	Mạc Nguyễn Bảo	Ngọc	04/03/2004	7A	Tam Dương	T	K	8.8	Nguyễn Thị Kim Dung	Tiếng Anh	5.30	KK
47	H7119	Phùng Thị	Thùy	01/05/2004	7A	Hương Đạo	T	K	8.1	Lê Thị Thanh Minh	Tiếng Anh	5.30	KK
48	H7121	Nguyễn Thu	Trang	29/11/2004	7B	Tam Dương	T	G	8.6	Nguyễn Thị Kim Dung	Tiếng Anh	5.30	KK
49	V7062	Phùng Tuấn	Anh	18/05/2004	7B	Vân Hội	T	G	9.0	Nguyễn Viết Thắng	Tiếng Anh	5.30	KK

DANH SÁCH HỌC SINH ĐẠT GIẢI GIAO LƯU HSG LỚP 8 MÔN TOÁN 8
NĂM HỌC: 2016-2017



TT	SBD	Họ tên		Năm sinh	Lớp	Trường THCS	Kết quả học tập kỳ 1			GV giảng dạy	Môn thi	Điểm	Ghi chú
							HK	HL	ĐTB môn thi				
1	H8015	Nguyễn Phương	Hạnh	18/09/2003	8A	Tam Dương	T	G	9.4	Lê Thúy Giang	Toán	8.00	Nhất
2	H8028	Nguyễn Thành	Nhật	05/06/2003	8A	Tam Dương	T	G	9.8	Lê Thúy Giang	Toán	7.75	Nhì
3	V8003	Nguyễn Văn	Duy	24/10/2003	8C	Vân Hội	T	G	8.8	Trần Thị Tuyết	Toán	7.00	Ba
4	V8011	Nguyễn Minh	Hoàng	06/03/2003	8C	Vân Hội	T	G	9.3	Trần Thị Tuyết	Toán	7.00	Ba
5	H8001	Trần Thị Ngọc	Châu	10/09/2003	8A	Tam Dương	T	G	9.4	Lê Thúy Giang	Toán	7.00	Ba
6	H8007	Lăng Quốc	Dũng	09/01/2003	8A	Tam Dương	T	G	9.8	Lê Thúy Giang	Toán	7.00	Ba
7	H8034	Nguyễn Việt	Quang	01/02/2003	8A	Tam Dương	T	G	9.0	Lê Thúy Giang	Toán	7.00	Ba
8	H8037	Lê Hồng	Thái	06/07/2003	8B	An Hòa	T	G	9.8	Lý Thị Thu Trang	Toán	7.00	Ba
9	V8021	Đỗ Thị Thúy	Ngọc	11/07/2003	8A	Hợp Thịnh	T	G	9.7	Hoàng Thị Ngọc Hạnh	Toán	6.75	Ba
10	V8033	Trần Văn	Việt	07/04/2003	8A	Hoàng Lâu	T	G	9.0	Nguyễn Phương Đông	Toán	6.75	Ba
11	H8003	Nguyễn Minh	Chiến	26/04/2003	8A	Tam Dương	T	G	9.3	Lê Thúy Giang	Toán	6.75	Ba
12	H8023	Hà Gia	Mạnh	28/12/2003	8A	Tam Dương	T	G	8.9	Lê Thúy Giang	Toán	6.75	Ba
13	H8043	Lại Thị Phương	Thảo	02/12/2003	8A	Tam Dương	T	G	9.6	Lê Thúy Giang	Toán	6.75	Ba
14	V8005	Nguyễn Thị Thu	Hà	11/3/2003	8A	Kim Long	T	G	9.3	Nguyễn Thị Diễm Hằng	Toán	6.25	KK
15	V8024	Phùng Thị Thu	Phương	28/12/2003	8A	Hợp Thịnh	T	G	9.4	Hoàng Thị Ngọc Hạnh	Toán	6.25	KK
16	V8001	Phùng Thanh	Đăng	16/12/2003	8A	Kim Long	T	G	9.4	Nguyễn Thị Diễm Hằng	Toán	6.00	KK
17	V8019	Lương Đình	Minh	21/06/2003	8A	Hợp Thịnh	T	K	8.7	Hoàng Thị Ngọc Hạnh	Toán	6.00	KK
18	H8013	Lê Thị Hồng	Hạnh	24/11/2003	8B	An Hòa	T	G	9.3	Lý Thị Thu Trang	Toán	6.00	KK
19	H8021	Ngô Thành	Long	01/07/2003	8B	An Hòa	T	K	9.1	Lý Thị Thu Trang	Toán	6.00	KK
20	V8013	Phùng Việt	Hưng	26/12/2003	8C	Vân Hội	T	G	8.9	Trần Thị Tuyết	Toán	5.75	KK
21	H8017	Nguyễn Đức	Hiếu	09/01/2003	8A	Tam Dương	T	G	9.5	Lê Thúy Giang	Toán	5.75	KK

Người ghi điểm - người soát ghi



DANH SÁCH HỌC SINH ĐẠT GIẢI GIAO LƯU HSG LỚP 8 MÔN TIẾNG ANH 8
NĂM HỌC: 2016-2017

TT	SBD	Họ tên		Năm sinh	Lớp	Trường THCS	Kết quả học tập kỳ 1			GV giảng dạy	Môn thi	Điểm	Ghi chú
							HK	HL	ĐTB môn thi				
1	H8097	Lại Phương	Anh	13/08/2003	8B	Tam Dương	T	G	9.3	Trần Thị Bích	Tiếng Anh	6.20	Nhì
2	H8119	Đào Thị	Ngoan	02/02/2003	8B	Tam Dương	T	G	9.3	Trần Thị Bích	Tiếng Anh	6.00	Nhì
3	H8105	Bùi Thùy	Dương	21/12/2003	8B	Tam Dương	T	K	9.3	Trần Thị Bích	Tiếng Anh	5.55	Ba
4	H8098	Bùi Tạ Ngọc	Anh	22/03/2003	8B	Tam Dương	T	K	9.2	Trần Thị Bích	Tiếng Anh	5.20	Ba
5	H8115	Đặng Quỳnh	Mai	08/06/2003	8C	Tam Dương	T	G	8.4	Trương Lê Hùng	Tiếng Anh	5.20	Ba
6	V8097	Phạm Phương	Linh	02/02/2003	8A	Kim Long	T	G	9.1	Hoàng Thị Đào	Tiếng Anh	5.00	Ba
7	H8111	Nguyễn Việt	Hoàng	07/09/2003	8A	Tam Dương	T	G	8.6	Trương Lê Hùng	Tiếng Anh	4.75	KK
8	V8109	Trần Thị Hương	Thu	20/08/2003	8A	Hợp Thịnh	T	G	8.5	Lê Việt Lâm	Tiếng Anh	4.60	KK
9	H8121	Nguyễn Hồng	Phúc	16/08/2003	8A	Tam Dương	T	G	8.1	Trương Lê Hùng	Tiếng Anh	4.45	KK
10	V8101	Đặng Vĩnh	Nam	07/04/2003	8A	Kim Long	T	G	8.8	Hoàng Thị Đào	Tiếng Anh	4.40	KK
11	H8104	Nguyễn Thành	Đạt	29/06/2003	8C	Tam Dương	T	G	8.0	Trương Lê Hùng	Tiếng Anh	4.40	KK
12	H8125	Phạm Thị Quỳnh	Trang	13/10/2003	8C	Tam Dương	T	G	8.6	Trương Lê Hùng	Tiếng Anh	4.30	KK
13	V8088	Đặng Ngọc	Hân	16/04/2003	8A	Thanh Vân	T	G	8.5	Nguyễn Thanh Huyền	Tiếng Anh	4.25	KK
14	V8092	Đỗ Huy	Hoàng	12/02/2003	8A	Kim Long	T	G	8.2	Hoàng Thị Đào	Tiếng Anh	4.25	KK
15	V8105	Đỗ Thúy	Ngân	23/10/2003	8B	Vân Hội	T	G	9.6	Tạ Thị Mai Thanh	Tiếng Anh	4.10	KK
16	H8102	Nguyễn Chí	Công	29/06/2003	8A	Tam Dương	T	G	8.4	Trương Lê Hùng	Tiếng Anh	4.00	KK
17	H8114	Hà Diệu Phương	Linh	20/07/2003	8B	Tam Dương	T	K	9.2	Trần Thị Bích	Tiếng Anh	4.00	KK

DANH SÁCH HỌC SINH ĐẠT GIẢI GIAO LƯU HSG LỚP 8 MÔN VẬT LÝ 8
NĂM HỌC: 2016-2017

TT	SBD	Họ tên		Năm sinh	Lớp	GV giảng dạy	Kết quả học tập kỳ 1			GV giảng dạy	Môn thi	Điểm	Ghi chú
							HK	HL	ĐTB môn thi				
1	V8010	Phùng Minh	Hiệp	15/11/2003	8A	Hợp Thịnh	T	G	8.6	Nguyễn Thị Minh Thu	Vật lý	6.00	Ba
2	H8055	Nguyễn Tiến	Dũng	17/01/2003	8A	Tam Dương	T	G	9.4	Đỗ Xuân Chiến	Vật lý	6.00	Ba
3	H8077	Phạm Hoài	Nam	19/09/2003	8C	Tam Dương	T	K	8.6	Đỗ Xuân Chiến	Vật lý	6.00	Ba
4	H8063	Nguyễn Thanh	Hiếu	10/03/2003	8B	Tam Dương	T	G	9.0	Đỗ Xuân Chiến	Vật lý	4.75	KK
5	H8079	Nguyễn Xuân	Ngọc	14/01/2003	8B	Tam Dương	T	G	9.2	Đỗ Xuân Chiến	Vật lý	4.75	KK
6	H8053	Nguyễn Minh	Đức	19/06/2003	8B	Tam Dương	T	K	9.4	Đỗ Xuân Chiến	Vật lý	4.25	KK
7	H8059	Phạm Ngân	Hà	22/01/2003	8B	Tam Dương	T	K	8.9	Đỗ Xuân Chiến	Vật lý	4.25	KK
8	H8073	Nguyễn Đức	Mạnh	06/10/2003	8B	Tam Dương	T	K	8.3	Đỗ Xuân Chiến	Vật lý	4.25	KK
9	H8091	Nguyễn Trung	Thành	17/11/2003	8A	Hợp Hòa	T	K	8.8	Nguyễn T. Bích Thủy	Vật lý	4.25	KK
10	H8083	Nguyễn Minh	Quân	19/02/2003	8A	Tam Dương	T	G	9.0	Đỗ Xuân Chiến	Vật lý	4.10	KK



DANH SÁCH HỌC SINH ĐẠT GIẢI GIAO LƯU HSG LỚP 8 MÔN HÓA HỌC 8
NĂM HỌC: 2016-2017

TT	SBD	Họ tên		Năm sinh	Lớp	Trường THCS	Kết quả học tập kỳ 1			GV giảng dạy	Môn thi	Điểm	Ghi chú
							HK	HL	ĐTB môn thi				
1	H8088	Nguyễn Văn	Quý	03/03/2003	8A	Tam Dương	T	G	9.7	Nguyễn Thị Huế	Hóa học	8.500	Nhất
2	H8086	Trần Trang	Nhung	13/07/2003	8A	Tam Dương	T	G	9.9	Nguyễn Thị Huế	Hóa học	8.250	Nhì
3	H8032	Nguyễn	Dũng	06/08/2003	8A	Tam Dương	T	G	9.7	Nguyễn Thị Huế	Hóa học	7.250	Nhì
4	V8023	Dương Văn	Phan	26/5/2003	8A	Thanh Vân	T	G	9.5	Vũ Thị Yến	Hóa học	6.875	Nhì
5	V8062	Nguyễn Quốc	Hồng	13/06/2003	8A	Đạo Tú	T	K	8.4	Nguyễn Thị Thu Hà	Hóa học	6.500	Ba
6	V8078	Nguyễn Trọng	Nghĩa	29/08/2003	8C	Vân Hội	T	G	9.0	Nguyễn Thị Khánh Hòa	Hóa học	6.500	Ba
7	V8037	Đoàn Lân	Thúy	26/8/2003	8A	Duy Phiên	T	G	9.3	Bùi Thị Loan	Hóa học	5.750	Ba
8	V8057	Hoàng Thúy	Hiền	09/10/2003	8A	Hợp Thịnh	T	G	9.5	Nguyễn Thị Tâm	Hóa học	5.750	Ba
9	V8045	Nguyễn Mạnh	Dũng	24/02/2003	8A	Duy Phiên	T	K	8.8	Bùi Thị Loan	Hóa học	5.700	Ba
10	V8064	Nguyễn Lan	Hương	30/7/2003	8A	Thanh Vân	T	G	9.4	Vũ Thị Yến	Hóa học	5.500	KK
11	H8074	Nguyễn Mạnh	Linh	27/11/2003	8A	Tam Dương	T	K	9.4	Nguyễn Thị Huế	Hóa học	5.500	KK
12	V8068	Lê Xuân	Huy	26/9/2003	8A	Hoàng Đan	T	K	7.4	Lê Thị Chung	Hóa học	5.250	KK
13	H8082	Hà Gia	Minh	13/09/2003	8A	Tam Dương	T	K	8.5	Nguyễn Thị Huế	Hóa học	5.250	KK
14	H8090	Nguyễn Mạnh	Quý	29/05/2003	8A	Tam Dương	T	G	9.3	Nguyễn Thị Huế	Hóa học	5.000	KK
15	V8051	Phan Thị Thùy	Dương	30/04/2003	8A	Hợp Thịnh	T	G	9.7	Nguyễn Thị Tâm	Hóa học	4.750	KK
16	V8053	Đỗ Thị Mỹ	Hà	21/07/2003	8A	Hợp Thịnh	T	G	9.3	Nguyễn Thị Tâm	Hóa học	4.750	KK
17	V8026	Phí Bá Hoàng	Quân	3/2/2003	8A	Đạo Tú	T	K	8.6	Nguyễn Thị Thu Hà	Hóa học	4.625	KK
18	V8055	Nguyễn Thu	Hàng	14/12/2003	8A	Hoàng Lâu	T	G	9.4	Phạm Đức Thương	Hóa học	4.250	KK
19	H8035	Đỗ Thị Nhật	Dương	24/10/2003	8A	Tam Dương	T	G	9.2	Nguyễn Thị Huế	Hóa học	4.250	KK
20	V8032	Trần Thị Như	Quỳnh	19/7/2003	8A	Hoàng Lâu	T	G	9.5	Phạm Đức Thương	Hóa học	4.000	KK

DỰ KIẾN CƠ CẤU GIẢI VÀ TỶ LỆ GIẢI CÁC MÔN

TT	Môn	Nhất		Nhì		Ba		KK		Tỷ lệ giải						
		Từ	Đến	Từ nhỏ hơn	Đến lớn hơn	Từ	Đến lớn hơn	Từ	Đến	Nhất nhì	Nhất	Nhì	Ba	KK	Tổng	
1	Toán 6	10.00	8.00	8.00	6.75	5.25	4.00	39.29	3.57	10.71	25.00	60.71	35.44			
2	Toán 7	10.00	7.00	7.00	6.00	5.00	4.00	25.00	8.33	8.33	4.76	52.38	38.10	20.00		
3	Toán 8	10.00	8.00	8.00	7.00	6.50	5.75	61.90	4.76	3.23	9.68	12.90	74.19	43.06		
4	Ngữ văn 6	10.00	7.00	7.00	6.00	5.50	5.00	25.81	3.23	9.68	12.90	74.19	43.06			
5	Ngữ văn 7	10.00	7.25	7.25	6.00	5.50	5.00	38.46	7.69	11.54	19.23	61.54	36.11			
6	Ngữ văn 8	10.00	7.50	7.50	6.00	5.50	5.00	38.46	3.85	15.38	19.23	61.54	50.00			
7	Tiếng Anh 6	10.00	7.50	7.50	7.10	5.90	5.00	45.95	2.70	8.11	35.14	54.05	46.84			
8	Tiếng Anh 7	10.00	8.00	8.00	7.50	6.20	5.25	51.02	4.08	10.20	36.73	48.98	55.68			
9	Tiếng Anh 8	10.00	7.00	7.00	5.75	4.75	4.00	35.29	0.00	11.76	23.53	64.71	26.15			
10	Hóa học 8	10.00	8.30	8.30	6.75	5.50	4.00	45.00	5.00	15.00	25.00	55.00	43.48			
11	Vật lý 8	10.00	7.00	7.00	6.00	5.00	4.00	30.00	0.00	0.00	30.00	70.00	25.00			
Trung bình																
TỔNG HỢP SỐ LƯỢNG GIẢI THEO MÔN																

TT	MÔN	TSDT	Nhất	Nhì	Ba	KK	Cộng
1	Toán 6	79	1	3	7	17	28
2	Toán 7	60	1	1	1	9	12
3	Toán 8	34	1	1	11	8	21
4	Ngữ văn 6	72	1	3	4	23	31
5	Ngữ văn 7	72	2	3	5	16	26
6	Ngữ văn 8	52	1	4	5	16	26
7	Tiếng Anh 6	79	1	3	13	20	37
8	Tiếng Anh 7	88	2	5	18	24	49
9	Tiếng Anh 8	65	0	2	4	11	17
10	Hóa học 8	46	1	3	5	11	20
11	Vật lý 8	40	0	0	3	7	10
Cộng		687	11	28	76	162	277

